

Bản án số: 16/2021/HS-ST

Ngày: 21-01-2021

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ, TỈNH ĐỒNG NAI**

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Thanh Tùng

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Quốc Toàn và ông Nguyễn Quang Chung

- Thư ký phiên tòa: Bà Võ Thị Ngọc Huyền – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Tân Phú

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú tham gia phiên tòa: Ông Trương Hoàng Tuấn – Kiểm sát viên.

Ngày 21 tháng 01 năm 2021 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tân Phú mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số 149/2020/TLST-HS ngày 11 tháng 12 năm 2020 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử sơ thẩm số 01/2021/QĐXXST-HS ngày 04 tháng 01 năm 2021 đối với các bị cáo:

1/ Lê Trọng N – sinh năm 1992, tại Thành phố Hà Nội (Có mặt)

Nơi cư trú: Thôn T, xã C.C, huyện P.X, Thành phố Hà Nội; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Lê Văn C – sinh năm 1966 và bà Lê Thị N – sinh năm 1969; Có vợ là Vũ Hồng Ngọc U – sinh năm 1995; Có 01 (một) con sinh năm 2017; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 17/9/2020 đến ngày 23/9/2020, bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/9/2020 đến ngày 23/11/2020, hiện đang tại ngoại.

2/ Phan Thanh T – sinh năm 1994, tại tỉnh Hà Nam (Có mặt)

Nơi cư trú: Khu phố Thượng Tổ 1, phường Thanh Châu, thành phố Phủ Lý, tỉnh Hà Nam; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; Dân tộc: Kinh; Giới tính: Nam; Tôn giáo: Không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Phan Thanh Hải (đã chết) và bà Đặng Thị Nụ – sinh năm 1960; Chưa có vợ con; Tiền án, tiền sự: Không; Bị tạm giữ từ ngày 17/9/2020 đến ngày 23/9/2020, bị cấm đi khỏi nơi cư trú từ ngày 23/9/2020 đến ngày 23/11/2020, hiện đang tại ngoại.

- Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: (Vắng mặt)

1/ Chị Phạm Thị Thái H – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp P.M 1, xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

2/ Chị Nguyễn Thị Quỳnh T – sinh năm 1995

Địa chỉ: Ấp P.T, xã P.B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

3/ Bà **Huỳnh Thị H** – sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu x, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

4/ Bà **Lý Thị L** – sinh năm 1968

Địa chỉ: Khu x, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

5/ Bà **Nguyễn Thị Cẩm V** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Khu y, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

6/ Bà **Mai Kim T** – sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu x, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

7/ Bà **Trương Thị Mỹ L** – sinh năm 1969

Địa chỉ: Khu y, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

8/ Bà **Nguyễn Thị Thanh T** – sinh năm 1970

Địa chỉ: Khu x, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

9/ Bà **Phạm Thị** – sinh năm 1957

Địa chỉ: Khu z, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

10/ Bà **Nguyễn Thị Ngọc T** – sinh năm 1973

Địa chỉ: Khóm e, Khu x, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

11/ Bà **Nguyễn Thị Kim O** – sinh năm 1978

Địa chỉ: Khu z, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

12/ Chị **Trần Thị D** – sinh năm 1981

Địa chỉ: Ấp T.L 1, xã P.Th, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

13/ Bà **Nguyễn Thị L** – sinh năm 1974

Địa chỉ: Ấp T.T 3, xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

14/ Bà **Trần Thị K** – sinh năm 1966

Địa chỉ: Ấp T.T, xã P.L, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

15/ Bà **Lê Thị Thu N** – sinh năm 1963

Địa chỉ: Ấp P.D, xã P.B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

16/ Bà **Phạm Thị T** – sinh năm 1975

Địa chỉ: Ấp P.Th, xã P.B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

17/ Anh **Nguyễn Tuấn A** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp s, xã T.C, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

18/ Bà **Nguyễn Thị Anh Đ** – sinh năm 1977

Địa chỉ: Tổ y, Khu x, thị trấn T.P, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

19/ Bà **Hoàng Thị H** – sinh năm 1960

Địa chỉ: Ấp P.T, xã P.B, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

20/ Chị **Phạm Thị Ngọc C** – sinh năm 1983

Địa chỉ: Ấp P.Th, P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

21/ Chị **Lê Phạm Huyền T** – sinh năm 1993

Địa chỉ: Ấp P.Th, P.T, huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu tháng 8 năm 2020, Lê Trọng N, Phan Thanh T và một người đàn ông tên T1 (chưa xác định được nhân thân, lai lịch) rủ nhau đến khu vực huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai thực hiện việc cho vay tiền với lãi suất cao. N, T và T1 cùng in nhiều tờ rơi với nội dung cho vay tiền với thủ tục nhanh gọn rồi tìm đến những khu vực đông người để tìm người cho vay. Cách thức cho vay là khi có người vay tiền thì sẽ cho vay trả góp theo ngày, thời gian góp là 25 hoặc 26 ngày trả cả gốc và lãi, số tiền phải trả mỗi ngày tùy thuộc vào số tiền vay, lãi suất theo đó tương ứng mỗi ngày là từ 01% đến 1,154%/số tiền gốc. Số tiền cho vay gồm các mức từ 2.000.000 đồng đến 10.000.000 đồng. Ngoài ra, tùy trường hợp N và T còn thu một khoản tiền gọi là phí vay tiền với mức tối thiểu bằng với số tiền phải trả của 01 ngày. Khi có người vay tiền thì N sẽ ứng đưa tiền cho vay, sau đó N và T sẽ chia phần tiền thu được, nhưng chưa kịp chia tiền thì bị bắt quả tang. Từ khoảng đầu tháng 8 năm 2020 đến thời điểm bị bắt, N và T thực hiện hành vi cho vay tiền với lãi suất cao của những người sau:

1. Bà Phạm Thị Thái H vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 25 ngày. Lần thứ nhất thu 600.000 đồng tiền phí, lần hai thu 250.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $6.250.000 - 5.000.000 = 1.250.000$ đồng. Mức lãi suất hợp pháp trong giao dịch dân sự giữa cá nhân với nhau theo quy định tại Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015 là 20%/ năm (tương ứng là 0,055%/ ngày). Như vậy, mức lãi suất thực tế đã gộp: $01\% : 0,055\% = 18,18$ lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 68.750$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.250.000 \text{ đồng} - 68.750 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng (phí)} = 1.781.250 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 06 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 06 \text{ ngày} = 300.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 06 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 06 \text{ ngày} = 16.500$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000 \text{ đồng} - 16.500 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng (phí)} = 533.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $1.781.250 + 533.500 = 2.314.750$ đồng.

2. Bà Nguyễn Thị Quỳnh T vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 25 ngày. Lần thứ nhất thu 600.000 đồng tiền phí, lần hai thu 250.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 6.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $6.250.000 - 5.000.000 = 1.250.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 68.750$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.250.000 \text{ đồng} - 68.750 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng (phí)} = 1.781.250 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 04 ngày với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 04 \text{ ngày} = 200.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 04 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 04 \text{ ngày} = 11.000 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $200.000 \text{ đồng} - 11.000 \text{ đồng} + 250.000 \text{ đồng (phí)} = 439.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $1.781.250 + 439.000 = 2.220.250 \text{ đồng}$.

3. Bà Huỳnh Thị H vay 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu phí 100.000 đồng.

Lần thứ nhất, N, T thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là $2.500.000 - 2.000.000 = 500.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 27.500 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000 \text{ đồng} - 27.500 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 572.500 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 200.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 40.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 02 \text{ ngày} = 2.200 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $40.000 \text{ đồng} - 2.200 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 137.800 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $572.500 + 137.800 = 710.300 \text{ đồng}$.

4. Bà Lý Thị L vay 02 lần, mỗi lần 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 25 ngày. Lần thứ nhất thu 600.000 đồng tiền phí, lần hai thu 500.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu được 18 ngày với tổng số tiền là 4.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 18 \text{ ngày} = 900.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 18 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 18 \text{ ngày} = 49.500 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $900.000 \text{ đồng} - 49.500 \text{ đồng} + 600.000 \text{ đồng (phí)} = 1.450.500 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 11 ngày với tổng số tiền là 2.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 11 \text{ ngày} = 550.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 11 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 11 \text{ ngày} = 30.250 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $550.000 \text{ đồng} - 30.250 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng (phí)} = 1.019.750 \text{ đồng}$.

Như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là $1.450.500 + 1.019.750 = 2.470.250 \text{ đồng}$.

5. Bà Nguyễn Thị Cẩm V vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 500.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 16 ngày với tổng số tiền là 4.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 16 \text{ ngày} = 800.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 16 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 16 \text{ ngày} = 44.000 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $800.000 \text{ đồng} - 44.000 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng (phí)} = 1.256.000 \text{ đồng}$.

6. Bà Mai Thị Kim T vay 03 lần. Lần thứ nhất vay 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 200.000 đồng tiền phí. Lần thứ hai và thứ ba

mỗi lần vay 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu 100.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 - 4.000.000 = 1.000.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 55.000$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000 \text{ đồng} - 55.000 \text{ đồng} + 200.000 \text{ đồng (phí)} = 1.145.000$ đồng.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 04 ngày với tổng số tiền là 400.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 04 \text{ ngày} = 160.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 04 ngày là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 04 \text{ ngày} = 8.800$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $160.000 \text{ đồng} - 8.800 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 251.200$ đồng.

Lần thứ ba, N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 200.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 80.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 2 \text{ ngày} = 4.400$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $80.000 \text{ đồng} - 4.400 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 175.600$ đồng.

Như vậy tổng số tiền thu lợi bất chính qua 03 lần là $1.145.000 + 251.200 + 175.600 = 1.571.800$ đồng.

7. Bà Trương Thị Mỹ L vay 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày. N, T đã thu được 13 ngày với tổng số tiền là 1.300.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 13 \text{ ngày} = 260.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 13 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 13 \text{ ngày} = 14.300$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $260.000 \text{ đồng} - 14.300 \text{ đồng} = 245.700$ đồng.

8. Bà Nguyễn Thị Thanh T vay 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, lần thứ nhất thu 200.000 đồng tiền phí, lần thứ hai thu 100.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là $2.500.000 - 2.000.000 = 500.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 27.500$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000 \text{ đồng} - 27.500 \text{ đồng} + 200.000 \text{ đồng (phí)} = 672.500$ đồng.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 200.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 40.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 02 \text{ ngày} = 2.200$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $40.000 \text{ đồng} - 2.200 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 137.800$ đồng.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $672.500 + 137.800 = 810.300$ đồng.

9. Bà Phạm Thị vay 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 200.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 17 ngày với tổng số tiền là 1.700.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 17 \text{ ngày} = 340.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 17 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times$

$0,055\% \times 17 \text{ ngày} = 18.700 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $340.000 \text{ đồng} - 18.700 \text{ đồng} + 200.000 \text{ đồng (phí)} = 521.300 \text{ đồng}$.

10. Bà Nguyễn Thị Ngọc T vay 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu 100.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 2.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là $2.500.000 - 2.000.000 = 500.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 27.500 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $500.000 \text{ đồng} - 27.500 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 572.500 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 200.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 40.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 02 \text{ ngày} = 2.200 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $40.000 \text{ đồng} - 2.200 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 137.800 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $572.500 + 137.800 = 710.300 \text{ đồng}$.

11. Bà Nguyễn Thị Kim O vay 02 lần, mỗi lần 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu 100.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu được 17 ngày với tổng số tiền là 1.700.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 17 \text{ ngày} = 340.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 17 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 17 \text{ ngày} = 18.700 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $340.000 \text{ đồng} - 18.700 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 421.300 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 07 ngày với tổng số tiền là 700.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 07 \text{ ngày} = 140.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 07 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 07 \text{ ngày} = 7.700 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $140.000 \text{ đồng} - 7.700 \text{ đồng} + 100.000 \text{ đồng (phí)} = 232.300 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $421.300 + 232.300 = 653.600 \text{ đồng}$.

12. Bà Trần Thị D vay 01 lần với số tiền 2.000.000 đồng, mỗi ngày trả 100.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 200.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 200.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 40.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 02 \text{ ngày} = 2.200 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $40.000 \text{ đồng} - 2.200 \text{ đồng} + 200.000 \text{ đồng (phí)} = 237.800 \text{ đồng}$.

13. Bà Nguyễn Thị L vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 500.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 06 ngày với tổng số tiền là 1.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 06 \text{ ngày} = 300.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 06 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 06 \text{ ngày} = 16.500 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $300.000 \text{ đồng} - 16.500 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng (phí)} = 783.500 \text{ đồng}$.

14. Bà Trần Thị K vay 02 lần, mỗi lần 4.000.000 đồng, mỗi ngày trả 200.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu 400.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 5.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 - 4.000.000 = 1.000.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 55.000$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $1.000.000 \text{ đồng} - 55.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng (phí)} = 1.345.000$ đồng.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 10 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 10 \text{ ngày} = 400.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 10 ngày là: $4.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 10 \text{ ngày} = 22.000$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000 \text{ đồng} - 22.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng (phí)} = 778.000$ đồng.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $1.345.000 + 778.000 = 2.123.000$ đồng.

15. Bà Lê Thị Thu N vay 02 lần, mỗi lần 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu 300.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $3.750.000 - 3.000.000 = 750.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 41.250$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $750.000 \text{ đồng} - 41.250 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng (phí)} = 1.008.750$ đồng.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 05 ngày với tổng số tiền là 750.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $3.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 5 \text{ ngày} = 150.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 05 ngày là: $3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 05 \text{ ngày} = 8.250$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $150.000 \text{ đồng} - 8.250 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng (phí)} = 441.750$ đồng.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $1.008.750 + 441.750 = 1.450.500$ đồng.

16. Bà Phạm Thị T vay 02 lần, mỗi lần 8.000.000 đồng, mỗi ngày trả 400.000 đồng trả trong 25 ngày, lần thứ nhất thu 800.000 đồng tiền phí, lần thứ hai thu 400.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 10.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $10.000.000 - 8.000.000 = 2.000.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $8.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 110.000$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.000.000 \text{ đồng} - 110.000 \text{ đồng} + 800.000 \text{ đồng (phí)} = 2.690.000$ đồng.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 05 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $8.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 05 \text{ ngày} = 400.000$ đồng. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 05 ngày là: $8.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 05 \text{ ngày} = 22.000$ đồng. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000 \text{ đồng} - 22.000 \text{ đồng} + 400.000 \text{ đồng (phí)} = 778.000$ đồng.

Ngoài ra, N, T còn thực hiện hành vi cho bà Tiếng vay tiền với hình thức vay đứng (giữ nguyên tiền gốc, thu tiền lãi theo ngày) vào ngày 05/9/2020 với số tiền cho vay là 2.000.000 đồng, trả lãi 50.000 đồng/ 01 ngày. Từ ngày 05/9/2020 đến ngày 17/9/2020, N, T thu lãi với số tiền 650.000 đồng, như vậy lãi suất tương ứng là $2,5\% / \text{số tiền gốc} / 01 \text{ ngày}$. Như vậy, mức lãi suất thực tế đã gấp: $2,5\% : 0,055\% = 45,45$

lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 13 ngày là: $2.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 13 \text{ ngày} = 14.300 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $650.000 \text{ đồng} - 14.300 \text{ đồng} = 635.700 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần vay góp và 01 lần vay đứng là: $2.690.000 + 778.000 + 635.700 = 4.103.700 \text{ đồng}$.

17. Ông Nguyễn Tuấn A vay 01 lần với số tiền 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 1.000.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 04 ngày với tổng số tiền là 2.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 04 \text{ ngày} = 400.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 04 ngày là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 04 \text{ ngày} = 22.000 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $400.000 \text{ đồng} - 22.000 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng (phí)} = 1.378.000 \text{ đồng}$.

18. Bà Nguyễn Thị Anh Đ vay 02 lần, mỗi lần 10.000.000 đồng, mỗi ngày trả 500.000 đồng trả trong 25 ngày, mỗi lần thu 1.000.000 đồng tiền phí.

Lần thứ nhất, N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 12.500.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $12.500.000 - 10.000.000 = 2.500.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 137.500 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $2.500.000 \text{ đồng} - 137.500 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng (phí)} = 3.362.500 \text{ đồng}$.

Lần thứ hai, N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 1.000.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 200.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $10.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 02 \text{ ngày} = 11.000 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $200.000 \text{ đồng} - 11.000 \text{ đồng} + 1.000.000 \text{ đồng (phí)} = 1.189.000 \text{ đồng}$.

Như vậy, số tiền thu lợi bất chính qua 02 lần là: $3.362.500 + 1.189.000 = 4.551.500 \text{ đồng}$.

19. Bà Hoàng Thị H vay 01 lần với số tiền 3.000.000 đồng, mỗi ngày trả 150.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 300.000 đồng tiền phí. N, T đã thu đủ 25 ngày với tổng số tiền là 3.750.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $3.750.000 - 3.000.000 = 750.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 25 ngày là: $3.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 25 \text{ ngày} = 41.250 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $750.000 \text{ đồng} - 41.250 \text{ đồng} + 300.000 \text{ đồng (phí)} = 1.008.750 \text{ đồng}$.

20. Bà Phạm Thị Ngọc C vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 26 ngày, thu 700.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 09 ngày với tổng số tiền là 2.250.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 1,154\% \times 09 \text{ ngày} = 519.300 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 09 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 09 \text{ ngày} = 24.750 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $519.300 \text{ đồng} - 24.750 \text{ đồng} + 700.000 \text{ đồng (phí)} = 1.194.550 \text{ đồng}$.

21. Bà Lê Phạm Huyền T vay 01 lần với số tiền 5.000.000 đồng, mỗi ngày trả 250.000 đồng trả trong 25 ngày, thu 500.000 đồng tiền phí. N, T đã thu được 02 ngày với tổng số tiền là 500.000 đồng, trong đó tiền lãi là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 01\% \times 02 \text{ ngày} = 100.000 \text{ đồng}$. Số tiền lãi hợp pháp được hưởng trong 02 ngày là: $5.000.000 \text{ đồng} \times 0,055\% \times 02 \text{ ngày} = 5.500 \text{ đồng}$. N, T đã thu lợi bất chính số tiền là: $100.000 \text{ đồng} - 5.500 \text{ đồng} + 500.000 \text{ đồng (phí)} = 594.500 \text{ đồng}$.

Như vậy, với việc cho 21 người dân vay tiền nói trên, Lê Trọng N và Phan Thanh T đã có hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp từ 18,18 đến 45,45 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính với tổng số tiền là 30.910.350 đồng.

Quá trình điều tra, Lê Trọng N và Phan Thanh T đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình.

Theo Cáo trạng số 141/CT-VKSTP-ĐN ngày 30/11/2020 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú đã truy tố các bị cáo Lê Trọng N và Phan Thanh T về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” quy định tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng khoản 1 Điều 201, các tình tiết giảm nhẹ là điểm i, s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự xử phạt: Bị cáo Lê Trọng N và Phan Thanh T mỗi bị cáo mức án từ 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng) đến 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng) về tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

- Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng: Đối với số tiền thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) là khoản tiền các bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên đề nghị tuyên buộc các bị cáo liên đới trả lại cho người vay tiền. Đối với số tiền các bị cáo sử dụng cho vay (tiền gốc) đã thu được của người vay là phương tiện phạm tội và khoản lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên đề nghị buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền người vay đã vay (tiền gốc) chưa trả cho bị cáo là phương tiện phạm tội, nên đề nghị buộc người vay là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

Đối với số tiền 29.878.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu đen là vật chứng liên quan đến hành vi phạm tội đề nghị tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với 75 tờ rơi quảng cáo có số điện thoại 0968.238.202 là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên đề nghị tịch thu tiêu hủy. Đối với một xe mô tô Sirius màu đỏ biển số 60H1-181.94, một giấy đăng ký xe mô tô 60H1-181.94 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên đề nghị trả lại cho bị cáo N.

Đối với những đồ vật, tài sản, tài liệu khác không liên quan đến hành vi phạm tội nên cơ quan điều tra đã trao trả cho chủ sở hữu nên không đề nghị xem xét.

- Về án phí: Các bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Tại phiên tòa, các bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự, đồng ý với tội danh, mức hình phạt mà Viện kiểm sát đã truy tố, đề nghị. Các bị cáo thừa nhận, đồng ý nộp sung công quỹ Nhà nước và liên đới trả lại cho người vay tiền đối với số tiền như Viện kiểm sát đã đề nghị.

Các bị cáo nói lời sau cùng: Các bị cáo không nói lời sau cùng.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi của Điều tra viên, Kiểm sát viên, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Tân Phú, Viện kiểm sát nhân dân huyện Tân Phú:

Trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự; quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa, bị cáo và những người tham gia tố tụng khác không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Vì vậy, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh:

Tại phiên tòa, bị cáo không cung cấp thêm tài liệu, chứng cứ nào khác và thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội. Lời khai của bị cáo trong quá trình điều tra và tại phiên tòa phù hợp với lời khai của người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan; phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập trong hồ sơ như Biên bản bắt người phạm tội quả tang, Biên bản tiếp nhận nguồn tin về tội phạm, Đơn tố giác tội phạm, tờ rơi quảng cáo... Như vậy, đã có đủ cơ sở để Hội đồng xét xử xác định:

Từ khoảng tháng 8 năm 2020 đến ngày 17/9/2020, tại huyện Tân Phú, tỉnh Đồng Nai, Lê Trọng N và Phan Thanh T đã có hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp từ 18,18 đến 45,45 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, thu lợi bất chính số tiền là 30.910.350 đồng.

Hành vi cho vay trong giao dịch dân sự theo mức lãi suất như trên của Lê Trọng N và Phan Thanh T là hành vi đã phạm tội “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự” tại khoản 1 Điều 201 Bộ luật Hình sự như Viện kiểm sát đã viện dẫn và truy tố là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Về tình tiết tăng nặng: Các bị cáo không có tình tiết tăng nặng.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo thể hiện thái độ thành khẩn khai báo và ăn năn hối cải; bị cáo phạm tội lần đầu thuộc trường hợp ít nghiêm trọng. Ngoài ra còn xem xét các bị cáo có nhân thân tốt, chưa có tiền án tiền sự. Các tình tiết giảm nhẹ của bị cáo được quy định tại điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

[5] Căn cứ quyết định hình phạt:

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm chế độ quản lý của Nhà nước về tín dụng, trật tự quản lý kinh tế trong lĩnh vực kinh doanh tiền tệ được pháp luật hình sự bảo vệ, làm ảnh hưởng đến tình hình trật tự trị an, an toàn xã hội tại địa phương, gây bức xúc trong dư luận xã hội.

Các bị cáo là người đã thành niên nhận thức đầy đủ về hành vi của mình, còn trẻ có sức khỏe nhưng không có nghề nghiệp ổn định, lười lao động mà lại mong muốn có tiền tiêu xài, sử dụng nên đã thực hiện hành vi cho vay trong giao dịch dân sự với lãi suất gấp từ 18,18 đến 45,45 lần mức lãi suất cao nhất quy định trong Bộ luật Dân sự, là hành vi dùng tiền để kinh doanh bất hợp pháp, với lỗi cố ý. Bị cáo đã dùng thủ đoạn lợi dụng hoàn cảnh người vay gặp khó khăn hoặc cần tiền gấp để thực hiện hành vi ép người vay tiền phải chịu lãi suất cao để thu lợi bất chính.

Các bị cáo cùng thực hiện hành vi cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự mang tính chất đồng phạm giản đơn, thống nhất ý chí cùng thực hiện hành vi phạm tội, với lỗi cố ý. Vì vậy, Hội đồng xét xử sẽ xem xét đánh giá tính chất của đồng phạm, tính chất và mức độ tham gia phạm tội và vai trò của từng người đồng phạm nhằm cá thể hóa hình phạt khi lượng hình như sau: Bị cáo N là người rủ rê, khởi xướng và thực hành tích cực, bị cáo T là người giúp sức và thực hành. Vì vậy, Hội đồng xét xử áp dụng Điều 17 và Điều 58 Bộ luật hình sự, xem xét xử phạt bị cáo N mức hình phạt cao hơn bị cáo T.

Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần phải có mức án đủ nghiêm, tương xứng với tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra để răn đe, cải tạo, giáo dục bị cáo và đảm bảo công tác phòng ngừa tội phạm tại địa phương.

Tuy nhiên, các bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ như trên nên Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, xét thấy không cần thiết phải áp dụng hình phạt cải tạo không giam giữ cho bị cáo mà áp dụng hình phạt tiền để sung vào ngân sách Nhà nước cũng thỏa đáng, đủ tác dụng răn đe, thể hiện chính sách nhân đạo pháp luật của Nhà nước.

[6] Về áp dụng hình phạt bổ sung: Căn cứ vào tính chất, mức độ, hậu quả hành vi phạm tội của bị cáo đã gây ra, đồng thời xem xét các bị cáo không có nghề nghiệp ổn định, bị cáo đã bị áp dụng hình phạt chính bằng hình thức phạt tiền nên Hội đồng xét xử không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

[7] Về biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng, trách nhiệm dân sự:

- Đối với một xe mô tô Sirius màu đỏ biển số 60H1-181.94, một giấy đăng ký xe mô tô 60H1-181.94 là tài sản không liên quan đến hành vi phạm tội nên Hội đồng xét xử xem xét trả lại cho bị cáo Lê Trọng N. Đối với số tiền 29.878.000 đồng, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, 01 điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu đen là công cụ, phương tiện phạm tội, khoản tiền phát sinh từ tội phạm nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước.

- Đối với 01 điện thoại Iphone 6s plus 32G màu hồng, 01 điện thoại Iphone 7 plus màu đen, 01 bóp da có chứa 07 thẻ ATM các loại và căn cước công dân, Giấy phép lái xe mang tên Lê Trọng N và Phan Thanh T, là các tài sản hợp pháp không liên quan đến hành vi phạm tội đã trao trả cho chủ sở hữu, người quản lý sử dụng hợp pháp nên không xem xét.

- Đối với vật chứng là 75 tờ rơi quảng cáo có số điện thoại 0968.238.202 là công cụ, phương tiện phạm tội và không còn giá trị sử dụng nên Hội đồng xét xử xem xét tịch thu tiêu hủy.

- Đối với số tiền thu được từ việc cho vay lãi nặng (khoản lãi vượt quá mức quy định 0,055%/ngày) là khoản tiền bị cáo thu lợi bất chính của người vay nên Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo trả lại cho người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan. Đối với số tiền bị cáo sử dụng cho vay (tiền gốc) đã thu được của người vay là phương tiện phạm tội và khoản lãi tương ứng với lãi suất 20%/năm (0,055%/ngày) là khoản tiền phát sinh từ tội phạm, nên Hội đồng xét xử xem xét buộc bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Đối với số tiền người vay đã vay (tiền gốc) chưa trả cho bị cáo là phương tiện phạm tội, nên Hội đồng xét

xử xem xét buộc người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

[7.1] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Phạm Thị Thái H vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà H số tiền 2.314.750 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng + 68.750 đồng + (1.500.000 đồng - 300.000 đồng) + 16.500 đồng = 6.904.000 đồng.

Bà H phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (1.500.000 đồng - 300.000 đồng) = 3.200.000 đồng.

[7.2] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Quỳnh T vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 2.220.250 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng + 68.750 đồng + (1.000.000 - 200.000 đồng) + 11.000 đồng = 5.879.750 đồng.

Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (1.000.000 - 200.000 đồng) = 3.800.000 đồng.

[7.3] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Huỳnh Thị H vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà H số tiền 710.300 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng + 27.500 đồng + (200.000 đồng - 40.000 đồng) + 2.200 đồng = 2.189.700 đồng.

Bà H phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (200.000 đồng - 40.000 đồng) = 1.760.000 đồng.

[7.4] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Lý Thị L vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà L số tiền 2.470.250 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 4.500.000 đồng - 900.000 đồng + 49.500 đồng + 2.750.000 đồng - 550.000 đồng + 30.250 đồng = 5.879.750 đồng.

Bà L phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (4.500.000 đồng - 900.000 đồng) + 5.000.000 đồng - (2.750.000 đồng - 550.000 đồng) = 4.200.000 đồng.

[7.5] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Cẩm V vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà V số tiền 1.256.000 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 4.000.000 đồng - 800.000 đồng + 44.000 đồng = 4.344.000 đồng.

Bà V phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (4.000.000 đồng - 800.000 đồng) = 1.800.000 đồng.

[7.6] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Mai Thị Kim T vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 1.571.800 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 4.000.000 đồng + 55.000 đồng + (400.000 đồng - 160.000 đồng) + 8.800 đồng + (200.000 đồng - 80.000 đồng) + 4.400 đồng = 4.428.200 đồng.

Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 4.000.000 đồng - (400.000 đồng - 160.000 đồng) + 4.000.000 đồng - (200.000 đồng - 80.000 đồng) = 7.640.000 đồng.

[7.7] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Trương Thị Mỹ L vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà L số tiền 245.700 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 1.300.000 đồng - 260.000 đồng + 14.300 đồng = 1.054.300 đồng.

Bà L phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (1.300.000 đồng - 260.000 đồng) = 960.000 đồng.

[7.8] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Thanh T vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 810.300 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng + 27.500 đồng + 200.000 đồng - 40.000 đồng + 2.200 đồng = 2.189.700 đồng.

Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (200.000 đồng - 40.000 đồng) = 1.840.000 đồng.

[7.9] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Phạm Thị N vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà N số tiền 521.300 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 1.700.000 đồng - 340.000 đồng + 18.700 đồng = 1.378.700 đồng.

Bà N phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (1.700.000 đồng - 340.000 đồng) = 640.000 đồng.

[7.10] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Ngọc T vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 710.300 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng + 27.500 đồng + 200.000 đồng - 40.000 đồng + 2.200 đồng = 2.189.700 đồng.

Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (200.000 đồng - 40.000 đồng) = 1.840.000 đồng.

[7.11] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Kim O vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà O số tiền 653.600 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 1.700.000 đồng - 340.000 đồng + 18.700 đồng + 700.000 đồng - 140.000 đồng + 7.700 đồng = 1.946.400 đồng.

Bà O phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (1.700.000 đồng - 340.000 đồng) + 2.000.000 đồng - (700.000 đồng - 140.000 đồng) = 2.080.000 đồng.

[7.12] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Trần Thị D vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà D số tiền 237.800 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 200.000 đồng - 40.000 đồng + 2.200 đồng = 162.200 đồng.

Bà D phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - (200.000 đồng - 40.000 đồng) = 1.760.000 đồng.

[7.13] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị L vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà L số tiền 783.500 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 1.500.000 đồng - 300.000 đồng + 16.500 đồng = 1.216.500 đồng.

Bà L phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (1.500.000 đồng - 300.000 đồng) = 3.800.000 đồng.

[7.14] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Trần Thị K vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà K số tiền 2.123.000 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng + 55.000 đồng + 2.000.000 đồng - 400.000 đồng + 22.000 đồng = 6.677.000 đồng.

Bà K phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 4.000.000 đồng - (2.000.000 đồng - 400.000 đồng) = 2.400.000 đồng.

[7.15] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Lê Thị Thu N vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà N số tiền 1.450.500 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 3.000.000 đồng + 41.250 đồng + 750.000 đồng - 150.000 đồng + 8.250 đồng = 3.949.500 đồng.

Bà N phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 3.000.000 đồng - (750.000 đồng - 150.000 đồng) = 2.400.000 đồng.

[7.16] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Phạm Thị T vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 4.103.700 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng + 110.000 đồng + 2.000.000 đồng - 400.000 đồng + 22.000 đồng + 14.300 đồng = 11.746.300 đồng.

Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 8.000.000 đồng - (2.000.000 đồng - 400.000 đồng) + 2.000.000 đồng = 8.400.000 đồng.

[7.17] Đối với trường hợp bị cáo cho ông Nguyễn Tuấn A vay tiền:

Bị cáo phải trả cho ông A số tiền 1.378.000 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.000.000 đồng - 400.000 đồng + 22.000 đồng = 1.622.000 đồng.

Ông A phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng - (2.000.000 đồng - 400.000 đồng) = 8.400.000 đồng.

[7.18] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Nguyễn Thị Anh Đ vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà Đ số tiền 4.551.500 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng + 137.500 đồng + 1.000.000 đồng - 200.000 đồng + 11.000 đồng = 10.948.500 đồng.

Bà Đ phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 10.000.000 đồng - (1.000.000 đồng - 200.000 đồng) = 9.200.000 đồng.

[7.19] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Hoàng Thị H vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà H số tiền 1.008.750 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 3.000.000 đồng + 41.250 đồng = 3.041.250 đồng.

[7.20] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Phạm Thị Ngọc C vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà C số tiền 1.194.550 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 2.250.000 đồng - 519.300 đồng + 24.750 đồng = 1.755.450 đồng.

Bà C phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (2.250.000 đồng - 519.300 đồng) = 3.269.300 đồng.

[7.21] Đối với trường hợp bị cáo cho bà Lê Phạm Huyền T vay tiền:

Bị cáo phải trả cho bà T số tiền 594.500 đồng.

Bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 500.000 đồng - 100.000 đồng + 5.500 đồng = 405.500 đồng.

Bà T phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước số tiền: 5.000.000 đồng - (500.000 đồng - 100.000 đồng) = 4.400.000 đồng.

[7.22] Tổng số tiền bị cáo phải nộp để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước là 79.908.400 đồng. Tổng số tiền thu lợi bất chính bị cáo phải trả lại cho người vay tiền là 30.910.350 đồng.

[8] Các vấn đề khác:

Đối với việc các bị cáo còn khai nhận cho một số người khác vay tiền với lãi suất cao, tuy nhiên N và T không biết rõ nhân thân, lai lịch, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú đã ra thông báo để những người vay tiền của các bị cáo biết liên hệ làm việc nhưng không có kết quả, cơ quan điều tra không xác định được nhân thân, lai lịch nên chưa có căn cứ xử lý, khi nào làm rõ sẽ xử lý sau.

Đối với người đàn ông tên T1 là người có hỗ trợ, chỉ dẫn cho N và T cách thức cho vay, in tờ rơi nhưng hiện chưa xác định được nhân thân, lai lịch, cơ quan điều tra tiếp tục xác minh, khi nào làm rõ xử lý sau.

Đối với việc những người vay tiền là người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan trong vụ án có khai báo sau khi vay tiền đã đóng tiền (gốc, lãi) cho bị cáo nhiều hơn so với lời khai thừa nhận của bị cáo, nhưng do bị cáo không thừa nhận và ngoài ra không có tài liệu, chứng cứ nào khác nên không đủ cơ sở xem xét xử lý.

[8] Về án phí: Các bị cáo là người bị kết án nên mỗi bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.545.500 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

[9] Xét quan điểm của Đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định của Hội đồng xét xử nên được chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 201; Điều 17, Điều 58; Điều 35; khoản 1 Điều 46, Điều 47; điểm i, s khoản 1 và khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự;

- Khoản 2 Điều 106, Khoản 2 Điều 136, Điều 331 và Điều 333 Bộ luật Tố tụng hình sự;

- Điều 117, Điều 122, Điều 123, Điều 131, Điều 407; Điều 357, Điều 468 Bộ luật Dân sự;

- Điểm a, c khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc Hội quy định mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

I. Tuyên bố các bị cáo Lê Trọng N, Phan Thanh T phạm tội: “Cho vay lãi nặng trong giao dịch dân sự”.

Xử phạt bị cáo Lê Trọng N 60.000.000đ (Sáu mươi triệu đồng).

Xử phạt bị cáo Phan Thanh T 50.000.000đ (Năm mươi triệu đồng).

II. Các biện pháp tư pháp:

Về xử lý vật chứng và trách nhiệm dân sự:

1.1 Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước đối với: Số tiền số tiền 29.878.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng), 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 105 màu xanh, 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu Nokia 110 màu đen.

1.2 Tịch thu tiêu hủy đối với 75 (Bảy mươi lăm) tờ rơi quảng cáo có số điện thoại 0968.238.202.

2. Trả lại 01 (một) xe mô tô Sirius màu đỏ biển số 60H1-181.94 và 01 (một) giấy đăng ký xe mô tô 60H1-181.94 cho bị cáo Lê Trọng N.

(Theo biên lai thu số 0003193 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú; biên bản giao nhận vật chứng ngày 20/01/2021 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Tân Phú và Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú)

3. Buộc các bị cáo phải nộp số tiền 79.908.400đ (Bảy mươi chín triệu chín trăm lẻ tám nghìn bốn trăm đồng), để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Được khấu trừ số tiền 29.878.000đ (Hai mươi chín triệu tám trăm bảy mươi tám nghìn đồng) bị cáo đã nộp theo biên lai thu số 0003193 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tân Phú. Các bị cáo còn phải liên đới nộp tiếp số tiền 50.030.400đ (Năm mươi triệu không trăm ba mươi nghìn bốn trăm đồng).

4. Buộc các bị cáo phải liên đới trả lại cho người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan số tiền thu lợi bất chính với tổng số tiền 30.910.350đ (Ba mươi triệu chín trăm mười nghìn ba trăm năm mươi đồng). Cụ thể như sau:

4.1 Các bị cáo phải trả cho bà Phạm Thị Thái H số tiền 2.314.750đ (Hai triệu ba trăm mười bốn nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

4.2 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Quỳnh T số tiền 2.220.250đ (Hai triệu hai trăm hai mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4.3 Các bị cáo phải trả cho bà Huỳnh Thị H số tiền 710.300đ (Bảy trăm mười nghìn ba trăm đồng).

4.4 Các bị cáo phải trả cho bà Lý Thị L số tiền 2.470.250đ (Hai triệu bốn trăm bảy mươi nghìn hai trăm năm mươi đồng).

4.5 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Cẩm V số tiền 1.256.000đ (Một triệu hai trăm năm mươi sáu đồng).

4.6 Các bị cáo phải trả cho bà Mai Thị Kim T số tiền 1.571.800đ (Một triệu năm trăm bảy mươi một nghìn tám trăm đồng).

4.7 Các bị cáo phải trả cho bà Trương Thị Mỹ L số tiền 245.700đ (Hai trăm bốn mươi lăm nghìn bảy trăm đồng).

4.8 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Thanh T số tiền 810.300đ (Tám trăm mười nghìn ba trăm đồng).

4.9 Các bị cáo phải trả cho bà Phạm Thị số tiền 521.300đ (Năm trăm hai mươi một nghìn ba trăm đồng).

4.10 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Ngọc T số tiền 710.300đ (Bảy trăm mười triệu ba trăm nghìn đồng).

4.11 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Kim O số tiền 653.600đ (Sáu trăm năm mươi ba nghìn sáu trăm đồng).

4.12 Các bị cáo phải trả cho bà Trần Thị D số tiền 237.800đ (Hai trăm ba mươi bảy nghìn tám trăm đồng).

4.13 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị L số tiền 783.500đ (Bảy trăm tám mươi ba nghìn năm trăm đồng).

4.14 Các bị cáo phải trả cho bà Trần Thị K số tiền 2.123.000đ (Hai triệu một trăm hai mươi ba nghìn đồng).

4.15 Các bị cáo phải trả cho bà Lê Thị Thu N số tiền 1.450.500đ (Một triệu bốn trăm năm mươi nghìn năm trăm đồng).

4.16 Các bị cáo phải trả cho bà Phạm Thị T số tiền 4.103.700đ (Bốn triệu một trăm lẻ ba nghìn bảy trăm đồng).

4.17 Các bị cáo phải trả cho ông Nguyễn Tuấn A số tiền 1.378.000đ (Một triệu ba trăm bảy mươi tám nghìn đồng).

4.18 Các bị cáo phải trả cho bà Nguyễn Thị Anh Đ số tiền 4.551.500đ (Bốn triệu năm trăm năm mươi một nghìn năm trăm đồng).

4.19 Các bị cáo phải trả cho bà Hoàng Thị H số tiền 1.008.750đ (Một triệu không trăm lẻ tám nghìn bảy trăm năm mươi đồng).

4.20 Các bị cáo phải trả cho bà Phạm Thị Ngọc C số tiền 1.194.550đ (Một triệu một trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm năm mươi đồng).

4.21 Các bị cáo phải trả cho bà Lê Phạm Huyền T số tiền 594.500đ (Năm trăm chín mươi bốn nghìn năm trăm đồng).

5. Buộc những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan phải nộp số tiền nợ gốc đã vay chưa trả cho bị cáo để tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước. Cụ thể như sau:

5.1 Bà Phạm Thị Thái H phải nộp số tiền 3.200.000đ (Ba triệu hai trăm nghìn đồng).

5.2 Bà Nguyễn Thị Quỳnh T phải nộp số tiền: 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

5.3 Bà Huỳnh Thị H phải nộp số tiền 1.760.000đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

5.4 Bà Lý Thị L phải nộp số tiền 4.200.000đ (Bốn triệu hai trăm nghìn đồng).

5.5 Bà Nguyễn Thị Cẩm V phải nộp số tiền 1.800.000đ (Một triệu tám trăm nghìn đồng).

5.6 Bà Mai Thị Kim T phải nộp số tiền 7.640.000đ (Bảy triệu sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

5.7 Bà Trương Thị Mỹ L phải nộp số tiền 960.000đ (Chín trăm sáu mươi nghìn đồng).

5.8 Bà Nguyễn Thị Thanh T phải nộp số tiền 1.840.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

5.9 Bà Phạm Thị N phải nộp số tiền 640.000đ (Sáu trăm bốn mươi nghìn đồng).

5.10 Bà Nguyễn Thị Ngọc T phải nộp số tiền 1.840.000đ (Một triệu tám trăm bốn mươi nghìn đồng).

5.11 Bà Nguyễn Thị Kim O phải nộp số tiền 2.080.000đ (Hai triệu không trăm tám mươi nghìn đồng).

5.12 Bà Trần Thị D phải nộp số tiền 1.760.000đ (Một triệu bảy trăm sáu mươi nghìn đồng).

5.13 Bà Nguyễn Thị L phải nộp số tiền 3.800.000đ (Ba triệu tám trăm nghìn đồng).

5.14 Bà Trần Thị K phải nộp số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

5.15 Bà Lê Thị Thu N phải nộp số tiền 2.400.000đ (Hai triệu bốn trăm nghìn đồng).

5.16 Bà Phạm Thị T phải nộp số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

5.17 Bà Nguyễn Tuấn A phải nộp số tiền 8.400.000đ (Tám triệu bốn trăm nghìn đồng).

5.18 Bà Nguyễn Thị Anh Đ phải nộp số tiền 9.200.000đ (Chín triệu hai trăm nghìn đồng).

5.19 Bà Phạm Thị Ngọc C phải nộp số tiền 3.269.300đ (Ba triệu hai trăm sáu mươi chín nghìn ba trăm đồng).

5.20 Bà Lê Phạm Huyền T phải nộp số tiền 4.400.000đ (Bốn triệu bốn trăm nghìn đồng).

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật dân sự năm 2015, trừ trường hợp pháp luật có quy định khác.

III. Về án phí: Các bị cáo Lê Trọng N, Phan Thanh T mỗi bị cáo phải nộp 200.000đ (Hai trăm nghìn đồng) án phí hình sự sơ thẩm và liên đới chịu 1.545.500đ (Một triệu năm trăm bốn mươi lăm nghìn năm trăm đồng) án phí dân sự sơ thẩm.

IV. Người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị

cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự năm 2008 (Sửa đổi, bổ sung năm 2014).

V. Về quyền kháng cáo: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày tuyên án. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 (mười lăm) ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc niêm yết.

Nơi nhận:

- Tòa án ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND tỉnh Đồng Nai;
- Viện kiểm sát ND huyện Tân Phú;
- Công an huyện Tân Phú;
- Chi cục THA dân sự huyện Tân Phú;
- Sở tư pháp tỉnh Đồng Nai;
- Bị cáo và người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan;
- Lưu hồ sơ vụ án, án văn.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)**

Nguyễn Thanh Tùng